

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 40/2019/DS-GĐT
Ngày 19 tháng 7 năm 2019
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: - Ông Ngô Anh Dũng - Thẩm phán cao cấp;
Các thành viên: - Ông Vũ Mạnh Hùng - Thẩm phán cao cấp;
- Ông Nguyễn Xuân Tĩnh - Thẩm phán cao cấp.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Vi Thị M (đã chết ngày 05/7/2017).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ M:

- Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1942; trú tại: Xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.
- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1948; trú tại: Nhà số 40, phố N, phường Đ, thành phố L.
- Ông Hoàng Triều C, sinh năm 1949; trú tại: Nhà số 35, phố N, phường Đ, thành phố L.
- Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1952; trú tại: Nhà số 369, phường Đ, thành phố Lạng Sơn.
- Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1953; trú tại: Xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.
- Bà Hoàng Thị K1; trú tại: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.
- Ông Lý Kim S, sinh năm 1962; trú tại: Nhà số 19, phố N, huyện Bssss, tỉnh Lạng Sơn.

- Ông Lý Kim S1, sinh năm 1965; trú tại: Nhà số 33, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1972; anh Hoàng Đức C1, sinh năm 1974; cùng trú tại: Nhà số 35, N, khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cung Thị P, sinh năm 1950; trú tại: Nhà số 35, N, khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1975; trú tại: Nhà số 121, B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do ông Hoàng Thế H đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2008 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là cụ Vi Thị M do bà Hoàng Thị L (là người đại diện hợp pháp của cụ M) trình bày:

Cụ M và cụ Hoàng Văn B (chết năm 2002) có 06 người con chung gồm ông Hoàng Triều C, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Ngọc X1, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị K và bà Hoàng Thị L1. Ông C và bà Cung Thị P có 04 người con là anh Hoàng Đức T, anh Hoàng Đức C1, anh Hoàng Văn T1, chị Hoàng Thị Thanh T2.

Ngày 23/9/1978, vợ chồng cụ M, cụ B bán ngôi nhà 03 gian, bếp ở và toàn bộ công trình trên đất tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn cho ông Vi Văn V giá 10.000đ. Ngày 15/12/1978, hai cụ dùng số tiền bán nhà để nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Lê Văn S2 tại 35 Đông Kinh Phố (nay là số 35 N, khối 1, phường Đ), diện tích 572m² với giá 1.500đ. Do ông C là con trai duy nhất và có hộ khẩu tại thành phố Lạng Sơn nên hai cụ để ông C đứng tên giấy mua bán đất với ông Siêu. Năm 1983, hai cụ đưa 7.500đ tiền bán nhà cho ông C xây ngôi nhà mái bằng tại thị xã L (hiện ngôi nhà vẫn còn nguyên trạng trên thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Hoàng Đức C1). Ngày 20/11/1984, hai cụ bán tiếp ngôi nhà cột gạch ở xóm Xe Lán, xã Chi Lăng, huyện T được 50.000đ và chuyển về thị xã L sinh sống cùng ông C. Năm 2000, ông C tự ý chia đất cho các con gồm: Anh T (105m²), anh C1 (105m²), anh T1 (98.5m²) nhưng không được sự đồng ý của hai cụ. Năm 2001, anh T1 bán phần đất của mình cho anh T. Năm 2003, anh C, anh T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002, cụ B chết. Cụ M ở tại ngôi nhà mái bằng (trên thửa đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C1) từ 1984 đến năm 2017 cụ M chết.

Năm 2008, cụ M khởi kiện yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T1, anh T, anh C1; đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng cụ M, cụ B; tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông C

cho các con là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau đó, cụ M thay đổi yêu cầu khởi kiện, đòi anh T trả lại 31.28m² đất để cụ cho anh C1 sử dụng, anh C1 phải trả cho cụ 85,41m² nhưng anh C1 không đồng ý nhận 31.28m² đất của anh T nên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/01/2010, cụ M rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi đất của anh T, chỉ khởi kiện đòi 85.41m² đất của anh C1.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/6/2014, cụ M rút một phần yêu cầu khởi kiện; không khởi kiện đối với anh T; Rút yêu cầu hủy Giấy chia đất ngày 02/5/2001; Rút yêu cầu công nhận 206m² đất vườn hiện ông C đang sử dụng; chỉ khởi kiện đối với anh C1 và đề nghị hủy giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh C1.

Bị đơn anh Hoàng Đức T và anh Hoàng Đức C1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất cụ M khởi kiện là của bố mẹ các anh nhận chuyển nhượng của ông Siêu, có giấy tờ mua bán đứng tên ông C. Sau khi mua xong, ông C, bà P xây 01 nhà cấp 4 trên đất để sinh sống. Khoảng năm 1982, ông C, bà P xây tiếp 01 nhà mái bằng và hoàn thành khoảng năm 1984. Sau đó bố mẹ các anh về quê đón ông bà nội lên thị xã L cùng sinh sống. Năm 1988, ông C đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất tại thửa 437, tờ bản đồ số 299, diện tích 568m². Năm 1996, bố mẹ các anh đã chia đất cho 03 anh em. Năm 1997, Nhà nước tiến hành đo đạc và xác định 03 anh em anh đứng tên đăng ký kê khai với Nhà nước. Năm 2001, ông bà, bố mẹ các anh thống nhất chia cho 03 anh em. Năm 2003, hai anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ M không có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất, đây là tài sản của bố mẹ các anh tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Khi bố mẹ các anh làm giấy chia đất cho các con thì ông nội là cụ B còn sống, việc chia đất đã có sự thống nhất của cả gia đình, được chính quyền địa phương xác nhận, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật nên bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ M.

Ông Hoàng Triều C trình bày: Toàn bộ thửa đất hai bên đang tranh chấp là do ông đứng tên mua của gia đình ông S2 nhưng tiền là của cụ B, cụ M bỏ ra. Hai cụ còn đưa tiền để ông xây ngôi nhà mái bằng (trên thửa đất của anh C1). Ông thừa nhận đã sai vì nhà đất không phải của ông nhưng ông lại tự ý chia cho các con. Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ M, yêu cầu anh C1 phải trả lại phần diện tích 85.41m² đất để cụ M có chỗ ở và sử dụng. Phần tài sản là nhà trên đất là do hai cụ bỏ tiền xây dựng toàn bộ, không có đóng góp của ai. Ông là người trông coi, quán xuyến trong thời gian làm nhà nhưng không yêu cầu thanh toán công sức.

Bà Cung Thị P trình bày: Toàn bộ diện tích đất mà cụ M trình bày là tài sản hợp pháp của vợ chồng bà. Vợ chồng bà đã chia đất cho các con nên là tài sản

của anh T, anh C1, không phải tài sản của cụ B, cụ M. Ngôi nhà mái bằng trên đất của anh C1 là do vợ chồng bà bỏ tiền xây dựng mà không phải tài sản của hai cụ nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ M.

Anh Hoàng Văn T1 trình bày: Năm 1998, 1999, anh có bỏ ra 15 triệu đồng để anh C1, anh T làm công trình phía sau nhà mái bằng, hiện nay anh C1, anh T đang quản lý. Phần đất cụ M khởi kiện không liên quan đến phần đất anh bỏ tiền xây công trình nên anh không đề nghị gì. Phần tường rào và phần sân trước nhà mái bằng xây năm 1983 do anh đóng góp nhưng anh không yêu cầu gì. Đối với diện tích đất đang tranh chấp thì nhà đất là của ông bà nội anh. Năm 1997, ông nội đã chia đất cho 03 anh em, không liên quan đến bố mẹ anh, anh chỉ biết ông bà nội cho, anh không biết việc bố mẹ cho các con và anh cũng không yêu cầu gì.

Ủy ban nhân dân thành phố L trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C1 là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2010/DS-ST ngày 07/01/2010, Tòa án nhân dân thành phố L quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ M; giao cho cụ M được quản lý, sử dụng 85,41m² đất cùng toàn bộ công trình trên đất thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Hoàng Đức C1; hủy một phần giấy chia đất ngày 02/5/2001 của ông Hoàng Triều C lập đối với 1 phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17 vì vô hiệu; Bác yêu cầu của anh Hoàng Đức C1 đòi quyền quản lý, sử dụng 85.41m² đất vì không có căn cứ.

Ngày 18/01/2010, anh Hoàng Đức C1, bà Cung Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 08/02/2010, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 169/QĐ-KNPT-P5 kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 02/2010/DS-ST ngày 07/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2010/DS-PT ngày 27/5/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Bác yêu cầu của cụ Vi Thị M đòi quản lý, sử dụng 85,41m² đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ địa chính số 17 phường Đ, thành phố L tại số nhà 35 N, khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Hoàng Đức C1) vì không có căn cứ.

Xử giao cho anh C1 được quyền quản lý, sử dụng 85.41m² đất thuộc thửa số 29, tờ bản đồ địa chính số 17 phường Đ, thành phố L tại số nhà 35 N, khối 1,

phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Đức C1 - có tuyên vị trí từ cận).

Cụ Vi Thị M được tiếp tục ở lại căn nhà trên diện tích đất trên cho đến khi chết.

Các công trình xây dựng trên đất (đã giao cho anh C1 theo quyết định trên) nếu các đương sự không thỏa thuận được sẽ khởi kiện vụ án dân sự khác.

Ngày 02/01/2013, cụ M có đơn đề nghị xem xét bản án dân sự phúc thẩm theo trình tự giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 195/2013/KN-DS ngày 27/5/2013, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2010/DS-PT ngày 27/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; đề nghị Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 402/2013/DS-GĐT ngày 20/9/2013, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2010/DS-PT ngày 27/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giao cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm lại.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2014/DS-PT ngày 16/6/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2010/DS-ST ngày 07/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; bác yêu cầu của cụ Vi Thị M; giao cho anh C1 quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp; cụ M tiếp tục ở nhà trên đất nêu trên cho đến khi không có nhu cầu sử dụng.

Ngày 03/6/2017, người đại diện theo ủy quyền của cụ Vi Thị M là bà Hoàng Thị L có đơn đề nghị xem xét lại Bản án phúc thẩm số 26/2014/DS-PT ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 61/2017/KN-DS ngày 13/11/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2014/DS-PT ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2014/DS-PT ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 25/2018/DS-GĐT ngày 12/4/2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy

toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2014/DS-PT ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 48/2018/DS-PT ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2010/DS-ST ngày 07/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Xác định diện tích đất tranh chấp 78,5m² thuộc một phần thửa đất số 29, Tờ bản đồ địa chính số 17, phường Đ, thành phố L là của cụ Vi Thị M; những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ M là bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị L, ông Hoàng Triều C, bà Hoàng Thị K, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị K1, ông Lý Kim S và ông Lý Kim S1.

Cụ M và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của cụ M được quyền quản lý, sử dụng 68,65m² để làm nhà thờ tự, tạm giao cho bà Hoàng Thị L là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ M quản lý và có nghĩa vụ thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; anh C1 được quyền quản lý, sử dụng 9,85m² trên tổng số 78,5m² (có sơ đồ kèm theo).

Tuyên bố Giấy phân chia đất ở và nhà ở ở đề ngày 02/5/2001 giữa ông Hoàng Triều C với các anh Hoàng Đức T, Hoàng Đức C1, Hoàng Đức T1 bị vô hiệu một phần trong thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Hủy một phần diện tích đất 68,65m² ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y190180 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01618 QSDĐ/609/2003/QĐ-UB (H) ngày 10/10/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp cho anh Hoàng Đức C1.

Ngày 07/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định số 08/QĐKNGĐT-VC1-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 48/2018/DS-PT ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 48/2018/DS-PT ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 07/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Diện tích 85,41m² đất tranh chấp là một phần của tổng diện tích 572m² đất thuộc một phần thửa đất số 29 Tờ bản đồ địa chính số 17 phường Đ, thành phố L có nguồn gốc của ông Lê Văn S2. Ngày 15/12/1978, ông Siêu ký “Giấy bán đất” với nội dung chuyển nhượng 572m² đất cho ông Hoàng Triều C với giá 1.500 đồng nhưng không có chữ ký của ông C.

Ông C kết hôn với bà P vào năm 1970 và sống cùng vợ chồng cụ M tại huyện T. Năm 1972, ông C làm công nhân tại Công ty T. Vợ chồng ông C, bà P sinh được 04 người con là anh Hoàng Đức T (năm 1972), anh Hoàng Đức C1 (năm 1974), anh Hoàng Văn T1 (năm 1976), chị Hoàng Thị Thanh T2 (năm 1978). Ông C, bà P thừa nhận ông C làm nghề lái xe, tiền lương thấp, hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng rất khó khăn. Ngoài ra, bà P không chứng minh được nguồn tiền mua đất, làm nhà là của hai vợ chồng. Do đó, lời trình bày của cụ M và ông C về việc ông C chỉ là người đứng tên trên “Giấy bán đất” và nguồn tiền mua đất là của cụ M, cụ B là có cơ sở. Vợ chồng cụ M mua đất xây nhà để vợ chồng ông C ở khi ông C là con trai duy nhất của vợ chồng cụ là phù hợp tập quán của địa phương. Thực tế, các cụ vẫn trực tiếp quản lý và sử dụng ngôi nhà trên, nuôi 04 cháu nội từ nhỏ đến khi trưởng thành. Xuất phát từ việc cụ B, cụ M, ông C và 04 người cháu sống theo đại gia đình, nhiều thế hệ trên một thửa đất nên khi anh T, anh T1 lập gia đình riêng, cụ B đo đất và đào móng nhà cho anh T1 cũng chỉ nhằm tạo lập chỗ ở cho các cháu chứ không phải mục đích phân chia đất. Thời điểm đó, ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tự ý chia cho các con là không đúng quy định của pháp luật.

[2] Ngày 05/7/2017 cụ M chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ M là bà X, bà L, ông C, bà K, bà L1, bà K1, ông S, ông S1 đề nghị anh C1 phải trả lại diện tích đất tranh chấp để làm nơi thờ cúng. Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét phần diện tích đất anh C1 đang sử dụng 31m² do không đảm bảo được chỗ ở tối thiểu trong cuộc sống sinh hoạt gia đình nên chỉ buộc anh C1 phải trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ M 68,65m², phần diện tích còn lại 9,85m² anh C1 được quyền quản lý sử dụng cộng với 31m² mà anh C1 được chia từ trước; tổng số là 40,85m² (ký hiệu trong sơ đồ là ABCDIKA) là đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho anh C1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343, Điều 344 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 48/2018/DS-PT ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là cụ Vi Thị M; những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ Vi Thị M là bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị L, ông Hoàng Triều C, bà Hoàng Thị K, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị K1, ông Lý Kim S và ông Lý Kim S1 với bị đơn là anh Hoàng Đức T, anh Hoàng Đức C1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cung Thị P, anh Hoàng Văn T1 và Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để b/c);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P.HCTP-VP, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Anh Dũng